

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2019/HS-ST
Ngày 04 - 11 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Bùi Thị Nghĩa**

Thẩm phán : Ông **Nguyễn Tuấn Long**

Các Hội thẩm nhân dân : Ông **Nguyễn Xuân Hà**

Ông **Phan Quý Thành**

Ông **Mai Gia Cát.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phùng Tấn Đạt** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:
Bà **Hoàng Thị Ngọc Diệp** - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 11 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa, tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 78/2019/TLST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2019,

1. **Nguyễn Minh T**, sinh năm 1996, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện M, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Thợ mộc; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Ngọc S và bà Nguyễn Thị Ngọc H; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ ngày 29/8/2018, tạm giam ngày 01/9/2018: Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông **Phạm Thái H**, Luật sư, Văn phòng luật sư Phạm Thái H, Đoàn luật sư tỉnh Khánh Hòa: Có mặt;

2. **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1996, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện M, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn L và bà Phạm Thị S; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 15/10/2018; Quyết định cho bảo lãnh ngày 11/02/2019; Bị cáo tại ngoại: Có mặt.

3. **Nguyễn Ngọc R**, sinh năm 1996, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện M, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Làm nông; Trình độ văn hóa: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Đạo Phật; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn B và bà Ngô Minh T; Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giam ngày 15/10/2018; Quyết định cho bảo lãnh ngày 11/02/2019; Bị cáo tại ngoại: Có mặt.

2. **Nguyễn Hữu C**, sinh năm 1996, tại Khánh Hòa; Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện M, tỉnh Khánh Hòa; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa giáo; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Lộc Xuân N và bà Huỳnh Thị L; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo tại ngoại: Có mặt.

*Bị hại: **Trần Đức T2**, sinh năm 2000; Đã chết ngày 28/8/2018;*

*Đại diện hợp pháp của bị hại: Ông **Trần H**, sinh năm 1965 và bà **Trần Thị Ngọc C**, sinh năm 1967 (là cha, mẹ của bị hại); Cùng trú tại: Thôn C, xã H, huyện M: Có mặt;*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông **Nguyễn Ngọc S**, sinh năm 1965; Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện M, tỉnh Khánh Hòa: Có mặt;

2. Ông **Nguyễn L**, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện M, tỉnh Khánh Hòa: Có mặt;

3. Ông **Nguyễn Văn B**, sinh năm 1968; Nơi cư trú: Thôn L, xã C, huyện M, tỉnh Khánh Hòa: Có mặt;

Người làm chứng:

1. Hoàng Bảo Q: Có mặt;

2. Nguyễn Gia B: Có mặt;

3. Nguyễn Ngọc H: Có mặt;

4. Nguyễn Ngọc H1: Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Minh T là anh họ của Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc H1 và cùng có mâu thuẫn với Hoàng Bảo Q. Khoảng 18 giờ ngày 28/8/2018, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc H1, Trương Văn T1 nhờ Nguyễn Gia B đưa đến khu vực chợ Cam Hòa gặp Q để giải quyết mâu thuẫn. Tại đây, H, H1 xin lỗi Q, được Q đồng ý bỏ qua. Sau khi giải hòa xong, Q nói B gọi T đến để giải hòa. Trong lúc B gọi điện cho T thì Q giật điện thoại nói với T: Mày xuống đây để đưa hai thằng em mày về, mày mà không xuống thì hai thằng em mày chết ở đây, rồi tắt điện thoại. Sau đó, H, H1, T1 đi về; Q, B ở lại chờ T đến. Cùng lúc đó, Trần Đức T2 đi ngang qua, dừng lại nói chuyện với B và Q.

Sau khi nghe điện thoại của Q, T chuẩn bị 01 cây rựa và gọi điện thoại cho Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc R rủ D và R đi với T có việc. D và R đồng ý; R rủ Nguyễn Hữu C đi cùng. D chở T, C chở R đi theo xe của D. Trên đường đi T nói cho D, R và R nói cho C biết em của T đang ở trường Lương Thế Vinh nên đến để đưa em T về. Khi đến khu vực chợ Cam Hòa, T thấy Q, B, T2 đang đứng thì hô: Tụi nó kia, đồng thời nhảy xuống xe cầm rựa chạy đến chỗ Q, B, T2 đứng. Thấy vậy, Q, B, T2 bỏ chạy. B chạy trốn trong khu vực chợ, T2 và Q chạy theo

đường vòng sau chợ hướng về hướng Quốc lộ 1A thì bị T cầm rựa đuổi theo. Lúc này, D chạy xe máy theo sau T, còn C điều khiển xe máy chở R đuổi theo xe D. Khi đến Quốc lộ 1A, T tiếp tục băng qua dải phân cách đuổi theo T2 và Q. Qua đến phần đường hướng về thành phố Cam Ranh thì Q chạy vào nhà dân trốn thoát còn T2 bị vấp ngã nên T đuổi kịp. T kéo T2 vào lề đường và dùng lưng rựa chém nhiều nhát vào vùng đầu của T2. T2 ôm đầu rồi vùng dậy xô T ngã rồi bỏ đi. Lúc này, D, C, R điều khiển xe cũng vừa đến, T lên xe D chở đi. T2 được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện tỉnh Khánh Hòa và tử vong vào lúc 23 giờ 30 phút cùng ngày.

Tại Bản kết luận giám định y pháp về tử thi số 397/TT-TTPY ngày 04/9/2018, Trung tâm Pháp y - Sở y tế tỉnh Khánh Hòa kết luận nguyên nhân tử vong của Trần Đức T2 là: Chấn thương sọ não phù hợp với tác nhân là vật tày.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Minh T khai: Sau khi nghe Nguyễn Gia B và Hoàng Bảo Q gọi điện thoại nói, hai người em của bị cáo (Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc H1) đang ở chỗ B, Q, nếu bị cáo không xuống gặp thì H, H1 sẽ bị đánh thì bị cáo vào nhà lấy cây rựa và gọi điện thoại cho bạn là Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc R nói D, R đi cùng bị cáo có việc. Sau đó, D chạy xe đến chỗ bị cáo đến nhà R để cùng đi. Khi đến nhà R thì còn có Nguyễn Hữu C đi cùng R. Trên đường đi, bị cáo nói cho D, C và R biết việc H, H1 đang bị giữ ở Cam Hòa và nhờ D, R, C đến để đưa H và H1 về. Khi đến chỗ bãi đất trống trước chợ Cam Hòa, thấy B, Q, T2 thì bị cáo hô: Tụi nó kia và nhảy xuống xe băng qua dải phân cách đuổi theo nhóm B, Q. Khi T2 bị ngã xuống, bị cáo đuổi kịp và trở sống rựa đánh vào đầu T2, T2 đẩy bị cáo ra và bỏ đi. Lúc này, D, C, R cũng chạy xe máy tới chỗ bị cáo đánh T2, bị cáo cùng D, C, R về nhà, đến sáng hôm sau thì biết tin T2 đã tử vong.

Bị cáo Nguyễn Văn D khai: Sau khi nghe T gọi điện thoại tới nói đi với T có công chuyện bị cáo chạy xe đến nhà T. Khi đến nhà T thì T nói bị cáo chở T đến nhà của R. Đến nhà R thì gặp R và C đi ra cùng đi với bị cáo và T. T nói bị cáo chạy về phía Cam Hòa. Trên đường đi, T nói có người bắt giữ em của T nên đi đến để đưa em T về. Đến gần chợ Cam Hòa thì T hô “Nó kia” rồi nhảy xuống khỏi xe đuổi theo nhóm thanh niên ra hướng Quốc lộ 1A, băng qua dải phân cách. Bị cáo tiếp tục chạy xe máy về hướng Cam Đức khoảng 50m, vòng qua làn đường bên kia chạy tới chỗ của T thì thấy T đứng một mình và nói “Xong rồi” và lên xe bị cáo chở về.

Bị cáo Nguyễn Ngọc R khai: Khi T gọi điện cho bị cáo nói đi với T có việc thì C cũng đang có mặt ở nhà bị cáo nên bị cáo rủ C cùng đi. Khi C và bị cáo ra trước nhà thì D và T chở nhau đến. Sự việc tiếp diễn sau đó như nội dung bản Cáo trạng đã nêu.

Bị cáo Nguyễn Hữu C khai: Bị cáo đang chơi ở nhà R thì R rủ bị cáo đi chơi cùng. Bị cáo đã cùng R đi theo T, D và sự việc diễn ra sau đó như nội dung các bị cáo T, D, R đã khai.

Các anh Hoàng Bảo Q, Nguyễn Gia B, Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc H1 trình bày: Sau khi Nguyễn Ngọc H, Nguyễn Ngọc H1 (em của Nguyễn Minh T) đến gặp, xin lỗi về những mâu thuẫn trước đó với Q thì Hoàng Bảo Q đồng ý để H và H1 ra về nhưng B và Q tiếp tục gọi điện thoại cho T đến khu vực chợ Cam Hòa để nói chuyện. Qua điện thoại, Q có nói T đến đưa các em về, nếu không đến thì các em của T sẽ bị đánh. Sau đó, H, H1 ra về và không biết sự việc T cùng các bị cáo đến gặp B, Q như thế nào.

Hoàng Bảo Q và Nguyễn Gia B còn khai: Sau khi gọi điện cho T thì Trần Đức T2 đi đến và đứng nói chuyện với B, Q. Sau đó thì thấy T chạy tới cầm rựa rượt nên B, Q bỏ chạy nên không biết việc T đánh T2 như thế nào.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Ngọc S (cha của bị cáo Nguyễn Minh T), ông Nguyễn L (cha của bị cáo Nguyễn Văn D) và ông Nguyễn Văn B (cha của bị cáo Nguyễn Ngọc R) trình bày: Các ông đã tự nguyện thỏa thuận bồi thường cho đại diện hợp pháp của bị hại (ông Trần H và bà Trần Thị Ngọc C) khoản tiền chi phí mai táng cho bị hại là 57.500.000đ; Trong đó: ông S bồi thường 27.500.000đ, ông L bồi thường 15.000.000đ, ông B bồi thường 15.000.000đ. Nay các ông không có ý kiến gì về nội dung đã thỏa thuận này.

Đại diện hợp pháp của bị hại (ông Trần H và bà Trần Thị Ngọc C) trình bày: Ông, bà là cha, mẹ của anh Trần Đức T2. Sau khi anh T2 chết, gia đình các bị cáo đã đến thăm hỏi và bồi thường cho ông, bà số tiền mai táng phí như những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã quan trình bày. Nay ông, bà đề nghị xem xét giảm hình phạt cho các bị cáo và yêu cầu được bồi thường tổn thất tinh thần bằng 100 lần mức lương cơ sở do Nhà nước quy định.

Tại bản Cáo trạng số 57/CT-VKSKH-P1 ngày 11/9/2019, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa truy tố Nguyễn Minh T2 về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật hình sự (đối với hành vi dùng lưng rựa chém nhiều nhát vào vùng đầu của Trần Đức T2 làm T2 tử vong) với các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng cho bị cáo là “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*”, “*đã tác động gia đình bồi thường cho gia đình bị hại*” quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Truy tố Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc R và Nguyễn Hữu C về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự với tình tiết giảm nhẹ “*thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Phát biểu tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Khánh Hòa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm n khoản 1 Điều 123, các điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt Nguyễn Minh T từ 16 đến 18 năm tù; Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm b, s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc R; Áp dụng khoản 1 Điều 318, điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Nguyễn Hữu C, xử phạt các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc R và Nguyễn Hữu C, mỗi bị cáo từ 09 đến 12 tháng tù; Đề nghị chấp nhận

yêu cầu bồi thường của đại diện hợp pháp của bị hại và xử lý vật chứng vụ án theo quy định của pháp luật.

Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Minh T, Luật sư Phạm Thái H đồng tình với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng tội danh, khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T. Ngoài ra, Luật sư còn cho là mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị với bị cáo là quá nghiêm khắc. Nguyên nhân xảy ra tội phạm xuất phát từ cuộc gọi điện thoại của Hoàng Bảo Q và Nguyễn Gia B có nội dung thách thức, đe dọa đối với T. Khi đánh bị hại, bị cáo đã trở sống rựa để hạn chế tác hại của tội phạm nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm a khoản 1 Điều 51 và Điều 54 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an tỉnh Khánh Hòa, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật sư, bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại đều không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai người làm chứng, các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Đã đủ cơ sở xác định: Sau khi nghe điện thoại của B và Q, Nguyễn Minh T cho là nhóm B, Q đang giữ em mình là H và H1 nên đã rủ Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc R (R rủ thêm Nguyễn Hữu C) đi cùng đến gặp B, Q để giải quyết mâu thuẫn và đưa H, H1 về. Khi gặp B, Q và Trần Đức T2, T cầm rựa đuổi theo và trở lưng rựa chém nhiều nhát vào đầu T2 làm T2 tử vong. Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc R và Nguyễn Hữu C không tiếp nhận việc T chém T2 nhưng đã đi cùng T. Trong lúc T đuổi theo nhóm B, Q, T2 và chém T2 thì D, C, R cũng chạy xe máy đuổi theo T ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi của bị cáo T trực tiếp xâm phạm tính mạng của bị hại, gây mất trật tự an trị an ở địa phương. Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc R và Nguyễn Hữu C trực tiếp xâm phạm trật tự công cộng. Hậu quả hành vi phạm tội của các bị cáo dẫn đến chết một người. Cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố Nguyễn Minh T về tội “Giết người” theo điểm n khoản 1 Điều 123 Bộ luật Hình sự và các bị cáo Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc R, Nguyễn Hữu C về tội “Gây rối trật tự công cộng” theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[4] Hành vi của các bị cáo cần xử lý nghiêm để giáo dục, cải tạo các bị cáo và ngăn ngừa những hành vi tương tự. Các bị cáo đều là người chưa có tiền án, tiền sự, quá trình điều tra, truy tố và xét xử đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm hình phạt; Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc R đã tác động để gia đình bồi thường một phần thiệt hại cho gia đình bị hại; Gia đình bị cáo T là gia đình có công (cha của bị cáo đã từng phục vụ trong quân đội, có tham gia chiến trường) nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; Các bị cáo T, D, R còn được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Việc bị cáo T dùng súng rựa để tấn công bị hại có tính nguy hiểm ít hơn so với dùng lưỡi rựa để tấn công, tuy nhiên hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra cái chết cho bị hại nên không ngăn chặn, không giảm bớt được tác hại của tội phạm. Vì vậy, không có căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm a khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo T như lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo T, việc xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt theo lời trình bày của người bào chữa cho bị cáo T là không tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo.

[5] Căn cứ vào nhân thân của các bị cáo, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo tại phiên tòa là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự và án phí: Yêu cầu bồi thường của đại diện hợp pháp của bị hại tại phiên tòa là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự nên có căn cứ buộc bị cáo T phải bồi thường khoản tiền tổn thất tinh thần là 149.000.000đ. Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Bị cáo T còn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải bồi thường.

[7] Vật chứng vụ án: Cơ quan điều tra thu giữ 01 cây rựa là công cụ bị cáo T sử dụng để phạm tội cần tịch thu tiêu hủy.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.1. Căn cứ Điểm n Khoản 1 Điều 123, các Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Minh T 17 (mười bảy) năm tù về tội “Giết người”, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ (29/8/2018).

1.2. Căn cứ Khoản 1 Điều 318, Điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: - Nguyễn Văn D 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án; Thời hạn tạm giam, tạm giữ (từ ngày 15/10/2018 đến ngày 11/02/2019) được trừ vào thời hạn thi hành hình phạt tù.

- Nguyễn Ngọc R 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án; Thời hạn tạm giam, tạm giữ (từ ngày 15/10/2018 đến ngày 11/02/2019) được trừ vào thời hạn thi hành hình phạt tù.

1.3. Căn cứ Khoản 1 Điều 318, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự,

Xử phạt: Nguyễn Hữu C 09 (chín) tháng tù về tội “Gây rối trật tự công cộng”, thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

2. Căn cứ Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự,

Bị cáo Nguyễn Minh T phải bồi thường về tổn thất tinh thần cho ông Trần H và bà Trần Thị Ngọc C số tiền 149.000.000đ (một trăm bốn mươi chín triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Căn cứ Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) cây rựa (theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 28/10/2019 giữa Cơ quan điều tra - Công an tỉnh Khánh Hòa và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa).

4. Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội,

Các bị cáo Nguyễn Minh T, Nguyễn Văn D, Nguyễn Ngọc R và Nguyễn Hữu C - mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Minh T còn phải chịu 7.450.000đ (bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Căn cứ Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự,

Các bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- Công an tỉnh Khánh Hòa;
- Cục THA DS tỉnh Khánh Hòa;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hòa;
- Bị cáo;
- Bị hại;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)
Bùi Thị Nghĩa**

- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ